

Bản án số: 05/2019/ST-DS

Ngày 20/3/2019

V/v: Tranh chấp về bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÊ LINH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Duệ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lỗ Xuân Chinh.

2/ Ông Nguyễn Văn Cử.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Công – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mê Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mê Linh tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mê Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/TLTS-DS ngày 18/01/2019. Về việc: Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng “ thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐST- DS ngày 05/3/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1967.

KHTT: Thôn VP, xã VY, huyện ML, Thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Thôn VP, xã VY, huyện ML, Thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1959.

HKTT: Thôn YG, xã TT, huyện ML, Thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Thôn YG, xã TT, huyện ML, Thành phố Hà Nội.

Có mặt: Bà H, ông T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 27/8/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bà Lê Thị H trình bày: Bà Lê Thị H và ông Lê Văn T là anh em ruột, cùng cha, cùng mẹ. Trước khi anh em xảy ra đánh nhau thì bà H và ông T cũng đã có mâu thuẫn; nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là việc chia tiền bán đất của mẹ bà H.

Khoảng 10 giờ sáng ngày 26/4/2018, bà H sau khi đi chợ mua vịt về có vào nhà ông T thăm mẹ ốm bị liệt; Khi vào thăm mẹ thì gặp bà D vợ ông T, bà H có hỏi bà D là giờ này chưa cho mẹ ăn à, nếu chưa cho ăn thì bà H đi mua cháo về cho mẹ ăn; sau đó bà D nói đuổi bà H về dẫn đến cãi nhau; bà D gọi điện cho ông T về; khi ông T về thì ông T đánh bà H phải đi điều trị vết thương; Sự việc xảy ra đã được Công an xã TT và Công an huyện ML giải quyết và ông T bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bà H khởi kiện yêu cầu ông T bồi thường thương tích cho bà H, gồm: Tiền thuốc 4.466.000đ, trong đó có hóa đơn 1.966.000đ; không hóa đơn 2.500.000đ; Tiền tổn thất tinh thần 5.000.000đ; Tiền chụp ảnh áo rách 300.000đ; Tiền mất thu nhập 60 ngày x 500.000đ = 30.000.000đ; Tiền danh dự 5.000.000đ; Tiền bồi dưỡng sức khỏe 10.000.000đ. Tổng cộng số tiền là 54.766.000 đồng. Tại phiên tòa bà H yêu cầu ông T bồi thường với số tiền 30.000.000đ theo hòa giải ở xã TT. Ngoài ra bà H không có ý kiến gì thêm.

** Trong bản tường trình, biên bản lấy lời khai đề ngày 23/01/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê Văn T trình bày: Ông T và bà Lê Thị H là anh em ruột, cùng cha, cùng mẹ.*

Khoảng hơn 9 giờ sáng ngày 26/4/2018, bà H sau khi đi chợ về có vào nhà ông T thăm mẹ ốm; khi đó chỉ có vợ ông T là bà Đỗ Thị D ở nhà; do bà H vào thăm mẹ lại có lời nói không đúng mức với bà D dẫn đến cãi nhau, bà H đã chửi đổng đánh bà D, bà D gọi điện thoại cho ông T; khi ông T về thì bà H lại có lời nói không đúng mức với ông T nên ông T có đánh tát bà H một cái, nhưng bà H cũng túm áo đánh chửi lại ông T. Sự việc xảy ra đã được Công an xã TT và Công an huyện ML giải quyết và ông T bị xử phạt vi phạm hành chính 750.000đ về hành vi Đánh nhau.

Bà H khởi kiện yêu cầu ông T bồi thường thương tích cho bà H tổng số tiền là 54.766.000 đồng; Tại phiên tòa bà H yêu cầu ông T bồi thường với số tiền 30.000.000đ; việc bà H yêu cầu bồi thường như trên là quá cao và không đúng thực tế. Quan điểm của ông T là có bồi thường, nhưng bồi thường theo qui định của pháp luật. Ngoài ra ông T không có ý kiến gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mê Linh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành theo đúng qui định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tham gia tố tụng dân sự là nguyên đơn và bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản chấp hành theo đúng qui định của pháp luật.

Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ và lời khai các đương sự tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Điều 144, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

- Căn cứ: Điều 584, Điều 585, Điều 588 và Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

- Buộc ông Lê Văn T phải bồi thường cho bà Lê Thị H tổng số tiền là 5.892.608 đồng.

- Án phí xem xét theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 26/4/2018, ông Lê Văn T gây thương tích cho bà Lê Thị H; Ngày 04/9/2018, Tòa án nhân dân huyện Mê Linh nhận được đơn khởi kiện của bà Lê Thị H đề ngày 27/8/2018.

Theo qui định tại Điều 588 Bộ luật dân sự “Thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”. Như vậy, thời hiệu khởi kiện của bà Lê Thị H vẫn còn.

[2] Về quan hệ pháp luật: Vụ án thụ lý có quan hệ pháp luật về Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng “thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm” theo qui định tại khoản 6 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền: Đối với yêu cầu phát sinh Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh.

[4] Về nội dung: Bà H khởi kiện yêu cầu ông T bồi thường tổng số tiền là 54.766.000 đồng do ông T đánh bà Hoa gây thương tích;

Căn cứ các lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ do Công an xã TT cung cấp.

Xét thấy: Bà H là em gái ông T; ngày 26/4/2018, bà H có vào nhà ông T thăm mẹ ốm; Khi vào nhà ông T thăm mẹ thì giữa bà H và bà D (là vợ ông T) xảy ra cãi nhau; bà D gọi điện cho ông T về; khi ông T về thì giữa ông T và bà H xảy ra cãi nhau, ông T có đánh bà H; ông T có lời khai xác định có đánh bà H; Sự việc xảy ra đã được Công an xã TT và Công an huyện ML giải quyết và ông T đã bị xử phạt vi phạm hành chính. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu ông T bồi thường là có căn cứ và phù hợp với qui định của pháp luật.

[4.1] Đối với yêu cầu tiền thuốc 4.466.000đ, trong đó tiền chi phí có hóa đơn 1.966.000đ; không hóa đơn 2.500.000đ.

Xét thấy: Theo qui định tại điểm a, d khoản 1 Điều 590 Bộ luật Dân sự “Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại” “thiệt hại khác do pháp luật qui định”.

- Yêu cầu của bà H đối với khoản tiền chi phí có hóa đơn, gồm: Biên lai thu tiền khám bệnh 55.100đ + biên lai thu tiền khám bệnh 51.508đ + Giấy điều trị tiền thuốc 990.000đ. Cộng = 1.096.608đ. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu này của bà H và buộc ông T bồi thường cho bà H số tiền khám, tiền chi phí thuốc, chữa trị vết thương 1.096.608đ (làm tròn 1.097.000đ) là phù hợp.

- Yêu cầu của bà H đối với các khoản tiền chi phí thuốc men ở bệnh viện 2.500.000đ; bà H không cung cấp được chứng từ hóa đơn nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này của bà H.

[4.2] Đối với khoản tiền bồi thường sức khỏe và tinh thần 5.000.000đ.

Xét thấy: Theo qui định tại khoản 2 Điều 590 Bộ luật Dân sự “...Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì

mức tối đa cho một người có tính mạng bị xâm phạm không quá năm mươi lần mức lương cơ sở do nhà nước qui định”. Yêu cầu bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần của bà H là có căn cứ và phù hợp với qui định của pháp luật, nhưng việc bà H yêu cầu với số tiền 5.000.000đ là cao, nên chỉ chấp nhận 4.000.000đ (tương đương 3 lần mức lương cơ sở) là phù hợp. Vì vậy, buộc ông T bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho bà H với số tiền 4.000.000đ.

[4.3] Tiền chụp ảnh và tiền áo bị rách 300.000đ.

Xét thấy: Yêu cầu bồi thường khoản tiền áo bị rách và tiền chụp ảnh thương tích của bà H với số tiền 300.000đ là có căn cứ và phù hợp với qui định của pháp luật. Vì vậy, buộc ông T bồi thường khoản tiền áo bị rách và tiền chụp ảnh thương tích của bà H với số tiền 300.000đ là phù hợp.

[4.4] Đối với khoản tiền do mất thu nhập 60 ngày x 500.000đ = 30.000.000đ.

Xét thấy: Theo qui định tại điểm b khoản 1 Điều 590 Bộ luật Dân sự “Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại; nếu thu nhập thực tế của người bị thiệt hại không ổn định và không thể xác định được thì áp dụng mức thu nhập trung bình của người lao động cùng loại”.

Theo qui định tại tiểu mục 1.2 mục 1 phần II Nghị quyết 03 “Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại. Nếu trước khi sức khỏe bị xâm phạm người bị thiệt hại có thu nhập thực tế, nhưng do sức khỏe bị xâm hại họ phải đi điều trị và do đó khoản thu nhập thực tế của họ bị mất hoặc bị giảm sút thì họ được bồi thường khoản thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút”

- Về mức thu nhập: Theo ý kiến của UBND xã VY xác nhận về mức thu nhập bình quân của bà H đi chợ bán Ngan, Vịt thu nhập bình quân 500.000đ/ngày. Vì vậy, có cơ sở chứng cứ chấp nhận thu nhập bình quân của bà H 500.000đ/ngày là phù hợp.

- Về thời gian nghỉ mất thu nhập 60 ngày: Bà H có bị ông T đánh gây thương tích, nhưng thương tích không lớn; không có kết luận giám định; không có chỉ định của bác sĩ về thời gian nghỉ điều trị; Việc ông T gây thương tích cho bà H là có thực, nhưng việc bà H yêu cầu mất thu nhập trong 60 ngày là không phù hợp; vì vậy, chỉ chấp nhận ngày nghỉ mất thu nhập của bà H trong thời gian 07 ngày là thỏa đáng. Như vậy, khoản tiền do mất thu nhập của bà H là 07 ngày x 500.000đ = 3.500.000đ.

[4.5] Tiền danh dự 5.000.000đ

Xét thấy: Tiền bồi thường danh dự pháp luật không qui định và bà H không yêu cầu; vì vậy không xem xét giải quyết.

[4.6] Đối với khoản tiền chi phí đi lại, ăn uống 10.000.000đ.

Xét thấy: Theo qui định tại điểm d khoản 1 Điều 590 Bộ luật Dân sự “thiệt hại khác do pháp luật qui định”. Việc yêu cầu của bà H đối với khoản tiền chi phí đưa đi đón về khám sức khỏe, chụp ảnh thương tích và tiền bồi dưỡng sức khỏe do bị đánh, mặc dù không có hóa đơn nhưng là khoản tiền chi phí thực tế phục vụ cho việc cấp cứu, chữa bệnh, phục hồi sức khỏe; nhưng việc bà H yêu cầu 10.000.000đ là không phù hợp; vì vậy, chỉ chấp nhận tiền chi phí đưa đi đón về khám sức khỏe, chụp ảnh thương tích 1.000.000đ và tiền bồi dưỡng sức khỏe 100.000đ/ngày x 7 ngày nghỉ = 700.000đ là thỏa đáng.

Như vậy, yêu cầu của bà H được chấp nhận có tổng cộng là 10.597.000đ và buộc ông T phải bồi thường số tiền này cho bà H là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án “Khoản 1. Những trường hợp sau đây được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí:...d) người yêu cầu bồi thường về ...sức khỏe..”; do bà H khởi kiện yêu cầu bồi thường về sức khỏe nên bà H không phải chịu án phí.

- Theo quy định tại theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; “Khoản 1. Những trường hợp sau đây được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí:...đ)...người cao tuổi..”; Điều 2 Luật người cao tuổi “người cao tuổi được qui định trong luật này là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên”; ông Lê Văn T - sinh năm 1959, nay tròn 60 tuổi được xác định là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 584, Điều 585 và Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015
- Khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 203, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Luật Thi hành án dân sự.
- Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hướng dẫn áp dụng một số qui định của Bộ luật dân sự năm 2005, về Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.
- Điểm d, đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

Buộc ông Lê Văn T bồi thường cho bà Lê Thị H số tiền là 10.597.000 (Mười triệu, năm trăm chín mươi bảy nghìn) đồng.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị H và ông Lê Văn T được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm.

[3] Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo qui định tại Khoản 2 Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6; 7; 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5] Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận

- Người tham gia tố tụng.
- VKSNDH. Mê Linh.
- TAND TP. Hà Nội.
- THA huyện Mê Linh.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Huy Duệ